

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN  
KIÊN GIANG**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**MỤC LỤC**

	Trang
1. <b>Mục lục</b>	01
2. <b>Báo cáo của Giám đốc</b>	02 – 04
3. <b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	05 – 06
4. <b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 – 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 – 41

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xây lắp Và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5603000078 ngày 26/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng.

Mã số thuế: 1700537715

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật;
- Xây dựng kết cấu công trình;
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trong nhà;
- Lắp đặt trang thiết bị khác: hệ thống điện chiếu sáng công cộng;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí;
- Trang trí ngoại thất;
- Trang trí nội thất;
- Mua bán gỗ, kim khí, vật liệu xây dựng;
- Mua bán thiết bị văn phòng: máy tính, thiết bị ngoại vi như máy in...;
- Vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ xây dựng;
- Theo dõi, giám sát thi công;
- Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế các công trình thông tin bưu chính viễn thông;
- Xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tin học và các thiết bị công nghiệp, dân dụng khác.

Công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty TNHH MTV Xây lắp KAS Kiên Giang	Số 720 – 724, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	100,00%	100,00%

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Văn Đàng
- Ông Trần Thanh Hồng
- Ông Trần Duy Minh
- Ông Lưu Chí Thịnh
- Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Chức vụ:

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên (kể từ ngày 22/04/2016)

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Đoàn Thị Ánh	Trưởng ban
- Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên
- Ông Hồ Văn Trung	Thành viên

Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Đăng.

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại số 50-52 Lô F13, đường 3/2, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**7. Xác nhận của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

**8. Ý kiến của Giám đốc**

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kiên Giang, ngày ... tháng 03 năm 2017



**Nguyễn Văn Đàng**  
Giám đốc

Số: 015 /2017/BCKT-PKF.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang được lập ngày 30 tháng 01 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã nêu tại mục V.6 "Nợ xấu" của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các công nợ phải thu có số dư 1.556.492.717 đồng đã quá hạn hơn 01 năm. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa lập dự phòng cho các khoản nợ quá hạn nói trên. Nếu Công ty lập dự phòng thì chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên 906.169.584 đồng và kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính năm 2016 sẽ lỗ thêm một khoản tương ứng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**



**Trương Quang Trung**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1752-2015-242-1



**Nguyễn Kim Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3231-2017-242-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MẪU SỐ B01-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.278.631.144</b>	<b>26.535.664.047</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>977.700.386</b>	<b>6.417.849.497</b>
1. Tiền	111		977.700.386	617.849.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.064.801.305</b>	<b>10.782.074.580</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.294.577.674	10.009.989.033
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	488.558.000	823.042.240
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	432.108.864	133.900.265
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(150.443.233)	(184.856.958)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.226.081.609</b>	<b>9.309.063.347</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.226.081.609	9.309.063.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.047.844</b>	<b>26.676.623</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.047.844	26.676.623
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

M.S.C.  
 ★



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: số 50-52 Lô F13, đường 3/2, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.494.901.240</b>	<b>5.476.981.968</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>703.832.000</b>	<b>93.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	703.832.000	93.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.539.273.158</b>	<b>4.794.153.967</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.300.924.658	2.555.805.467
<i>Nguyên giá</i>	222		7.786.551.898	6.557.883.261
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.485.627.240)	(4.002.077.794)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.238.348.500	2.238.348.500
<i>Nguyên giá</i>	228		2.288.348.500	2.288.348.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(50.000.000)	(50.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.214.775.331</b>	<b>424.711.064</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.214.775.331	424.711.064
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.020.751</b>	<b>165.116.937</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		37.020.751	165.116.937
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.773.532.384</b>	<b>32.012.646.015</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: số 50-52 Lô F13, đường 3/2, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.545.797.666</b>	<b>20.227.551.672</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.545.797.666</b>	<b>20.227.551.672</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.812.638.735	1.319.584.651
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.600.244.321	12.398.563.179
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	637.947.927	1.213.182.598
4. Phải trả người lao động	314	V.14	3.248.138.954	2.497.897.854
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	334.545.347	444.227.123
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	150.326.385	104.810.078
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	2.500.559.938	642.441.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.516.455.954	835.756.626
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	744.940.105	771.088.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.227.734.718</b>	<b>11.785.094.343</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>12.227.734.718</b>	<b>11.785.094.343</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.000.000.000	5.000.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000	5.000.000.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.048.685.829	6.048.685.829
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.179.048.889	736.408.514
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.179.048.889	736.408.514
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>27.773.532.384</b>	<b>32.012.646.015</b>

Kiên Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2017

  
 Đỗ Thị Thanh Bình  
 Người lập biểu

  
 Bùi Thị Ân  
 Kế toán trưởng

  
  
 Nguyễn Văn Đăng  
 Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: số 50-52 Lô F13, đường 3/2, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

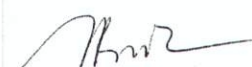
**MẪU SỐ B02-DN**

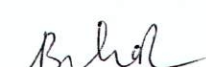
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	47.113.533.888	27.761.513.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		148.851.241	54.257.978
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46.964.682.647	27.707.255.909
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.994.019.030	22.379.199.377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.970.663.617	5.328.056.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	73.384.479	13.699.806
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	170.786.121	88.637.301
Trong đó: chi phí lãi vay	23		170.786.121	88.637.301
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.099.797.891	4.723.145.090
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		773.464.084	529.973.947
11. Thu nhập khác	31	VI.6	732.638.000	419.725.363
12. Chi phí khác	32		22.282.869	2.922.064
13. Lợi nhuận khác	40		710.355.131	416.803.299
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.483.819.215	946.777.246
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	304.770.326	210.368.732
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>1.179.048.889</b>	<b>736.408.514</b>

Kiên Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2017

  
 Đỗ Thị Thanh Bình  
 Người lập biểu

  
 Bùi Thị Ân  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Đăng  
 Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MẪU SỐ B03-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.483.819.215</b>	<b>946.777.246</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	742.130.810	719.773.874
- Các khoản dự phòng	03		(34.413.725)	114.546.958
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	170.786.121	88.637.301
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.362.322.421</b>	<b>1.869.735.379</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.859.145.000)	(555.471.583)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.082.981.738	1.843.064.806
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.727.319.013)	6.357.559.219
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		144.724.965	(55.354.921)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(152.835.121)	(88.637.301)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(324.369.779)	(563.292.824)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(127.313.992)	(263.072.056)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.600.953.781)</b>	<b>8.544.530.719</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.277.314.268)	(424.711.064)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.21	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.277.314.268)</b>	<b>(424.711.064)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	9.350.528.048	3.664.882.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(7.492.409.110)	(7.573.399.346)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(420.000.000)	(228.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.438.118.938</b>	<b>(4.136.517.346)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(5.440.149.111)</b>	<b>3.983.302.309</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>6.417.849.497</b>	<b>2.434.547.188</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>977.700.386</b>	<b>6.417.849.497</b>



Kiên Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2017

  
 Đỗ Thị Thanh Bình  
 Người lập biểu

  
 Bùi Thị Ân  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Đăng  
 Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MÃ SỐ B09-DN**

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

##### 1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5603000078 ngày 26/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 077 386 6554
- Fax : 077 386 0654
- Mã số thuế : 1700537715

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, dịch vụ, thương mại.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật;
- Xây dựng kết cấu công trình;
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trong nhà;
- Lắp đặt trang thiết bị khác: hệ thống điện chiếu sáng công cộng;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí;
- Trang trí ngoại thất;
- Trang trí nội thất;
- Mua bán gỗ, kim khí, vật liệu xây dựng;
- Mua bán thiết bị văn phòng: máy tính, thiết bị ngoại vi như máy in...;
- Vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ xây dựng;
- Theo dõi, giám sát thi công;
- Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế các công trình thông tin bưu chính viễn thông;
- Xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tin học và các thiết bị công nghiệp, dân dụng khác.

##### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

##### 5. Tổng số các công ty con: 01 (một) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 (một) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

**6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty TNHH MTV Xây lắp KAS Kiên Giang	Số 720 – 724, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	100,00%	100,00%

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang (công ty mẹ) và Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

### 6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Giá trị quyền sử dụng đất có kỳ hạn	20 – 50
Tài sản cố định khác	03 – 07

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

##### **Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**11. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**13. Các khoản dự phòng phải trả**

***Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp***

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 4% trên doanh thu.

**14. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

***Doanh thu bán hàng hóa***

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

**18. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với các hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thanh toán trả lại tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế chi phí theo đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**19. Tài sản cố định**

**19.1. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định**

Tài sản cố định là các tài sản có thời hạn sử dụng lâu dài hoặc được sử dụng tại nhiều năm tài chính, được mua sắm hoặc chế tạo bằng tiền hoặc giá trị tương đương của tiền, được mua sắm để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty, không phải để bán, không phải để tiêu thụ và không phải để chuyển nhượng vào các năm tài chính tiếp theo. Tài sản cố định là những tài sản có thời hạn sử dụng lâu dài, được mua sắm hoặc chế tạo bằng tiền hoặc giá trị tương đương của tiền, được mua sắm để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty, không phải để bán, không phải để tiêu thụ và không phải để chuyển nhượng vào các năm tài chính tiếp theo.

Tài sản cố định và công cụ dụng cụ chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Tài sản cố định chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện sau đây:  
- Công ty đã sở hữu quyền sử dụng tài sản cố định.  
- Công ty đã chi trả giá trị của tài sản cố định.  
- Công ty đã xác định được giá trị của tài sản cố định.

- Các tài sản cố định phải được phân loại và ghi nhận theo các quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của pháp luật về thuế.
- Các tài sản cố định phải được phân loại và ghi nhận theo các quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của pháp luật về thuế.
- Các tài sản cố định phải được phân loại và ghi nhận theo các quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của pháp luật về thuế.

- Tài sản cố định phải được phân loại và ghi nhận theo các quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của pháp luật về thuế.
- Được mua sắm bằng tiền hoặc giá trị tương đương của tiền.
- Công ty có quyền sử dụng tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Công ty đã chi trả giá trị của tài sản cố định.
- Công ty đã xác định được giá trị của tài sản cố định.

- Công ty đã chi trả giá trị của tài sản cố định.
- Công ty đã xác định được giá trị của tài sản cố định.
- Công ty đã chi trả giá trị của tài sản cố định.
- Công ty đã xác định được giá trị của tài sản cố định.

- Công ty đã chi trả giá trị của tài sản cố định.
- Công ty đã xác định được giá trị của tài sản cố định.
- Công ty đã chi trả giá trị của tài sản cố định.
- Công ty đã xác định được giá trị của tài sản cố định.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành công các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu tùy hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

**Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý không giá trị danh nghĩa trên cơ sở Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các kỳ tính

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

#### 23. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

#### 24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	81.739.002	9.981.701
Tiền gửi ngân hàng (*)	895.961.384	607.867.796
Tương đương tiền	-	5.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>977.700.386</u></b>	<b><u>6.417.849.497</u></b>

(\*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	789.758.286	585.549.279
Các ngân hàng khác	106.203.098	22.318.517
<b>Cộng</b>	<b><u>895.961.384</u></b>	<b><u>607.867.796</u></b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.

**3. Phải thu khách hàng*****Phải thu khách hàng ngắn hạn***

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>6.194.760.047</b>	-	<b>1.756.511.599</b>	-
- Viễn Thông Kiên Giang	6.194.760.047	-	1.756.511.599	-
<b>Phải thu khách hàng là đối tượng độc lập</b>	<b>8.099.817.627</b>	<b>150.443.233</b>	<b>8.253.477.434</b>	<b>184.856.958</b>
- Ban Quản lý dự án GPMB & TĐC- Sở giao thông vận tải KG	2.782.625.620	-	3.276.003.128	-
- BQL dự án đầu tư xây dựng- Sở Công Thương KG	1.623.450.931	-	48.472.721	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Nhon Trạch	684.545.467	-	684.546.125	-
- Cục thuế tỉnh Kiên Giang	567.953.492	-	416.475.761	-
- BQL các dự án đầu tư và xây dựng thành phố Rạch Giá	460.827.946	-	34.249.233	-
- Viễn thông Tiền Giang	454.901.829	-	-	-
- Các khách hàng khác	1.525.512.342	150.443.233	3.793.730.466	184.856.958
<b>Cộng</b>	<b><u>14.294.577.674</u></b>	<b><u>150.443.233</u></b>	<b><u>10.009.989.033</u></b>	<b><u>184.856.958</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán****a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Thương mại Minh Phát Thành	430.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	58.558.000	823.042.240
<b>Cộng</b>	<b>488.558.000</b>	<b>823.042.240</b>

**b. Trả trước cho người bán dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Gia Nguyễn Kiên Giang	400.000.000	78.000.000
- Các nhà cung cấp khác	303.832.000	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>703.832.000</b>	<b>93.000.000</b>

**5. Phải thu khác****Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	299.060.000	-	110.800.000	-
- Nguyễn Văn Cấp	178.510.000	-	-	-
- Văn Như Tuấn	44.000.000	-	44.000.000	-
- Các nhân viên khác	76.550.000	-	66.800.000	-
Ký quỹ, ký cược	98.000.000	-	-	-
Phải thu khác	35.048.864	-	23.100.265	-
<b>Cộng</b>	<b>432.108.864</b>	<b>-</b>	<b>133.900.265</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**  
 Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>1.706.935.950</b>	<b>1.556.492.717</b>	<b>245.699.101</b>	<b>60.842.143</b>
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện Cần Thơ	97.715.960	-	97.715.960	-
- Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Phan Minh Kiên Giang	50.000.000	-	50.000.000	15.000.000
- Trung tâm viễn thông huyện Kiên Lương	2.727.273	-	2.727.273	818.182
- Công ty Cổ phần Công trình Viettel	-	-	82.236.002	41.118.001
- Ban quản lý các Dự án Công trình Xây dựng huyện Hòn Đất	-	-	6.615.366	1.984.610
- Viễn thông Kiên Giang	-	-	6.404.500	1.921.350
- BQL Các Dự án Đầu tư và Xây dựng Thành phố Rạch Giá (*)	34.249.233	34.249.233	-	-
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Nhơn Trạch (*)	684.545.467	684.545.467	-	-
- Trung tâm Viễn thông Kiên Lương (*)	2.727.273	2.727.273	-	-
- Khách hàng vắng lai (*)	211.715.960	211.715.960	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình Viettel (*)	294.561.470	294.561.470	-	-
- Viễn thông Kiên Giang (*)	321.132.244	321.132.244	-	-
- Viễn thông Tây Ninh (*)	7.561.070	7.561.070	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.706.935.950</b>	<b>1.556.492.717</b>	<b>245.699.101</b>	<b>60.842.143</b>

(\*) Là những công nợ phải thu khách hàng có số dư tại ngày 31/12/2016 là 1.556.492.717 đồng đã nợ quá hạn trên 01 năm. Theo đánh giá của Giám đốc, các khoản công nợ này có khả năng thu hồi được nên Công ty chưa trích lập dự phòng.

**Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	184.856.958	70.310.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	114.546.958
Hoàn nhập dự phòng	(34.413.725)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>150.443.233</b>	<b>184.856.958</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	712.689.681	-	421.169.126	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.508.922.162	-	8.875.163.026	-
- Công trình "Di dời lưới điện trung hạ thế và TBA tuyến tránh Tp. Rạch Giá; Dự án Đường HL VB phía Nam	1.251.867.095	-	986.588.047	-
- Đường điện trung thế 3 pha (kênh H50, đường điện trung thế 3 pha T2-10	1.137.422.117	-	-	-
- Thi công hạng mục di dời đường dây trung hạ thế và TBA cầu Chín Rươi, An Minh, Kiên Giang	439.305.620	-	2.221.000	-
- Cột anten dây co cao 130m trạm BTS đảo Thổ Chu	225.229.676	-	-	-
- Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện nhẹ - Trụ sở làm việc Chi cục thuế Phú Quốc	177.280.350	-	-	-
- Các công trình khác	277.817.304	-	7.886.353.979	-
Thành phẩm	4.469.766	-	12.731.195	-
<b>Cộng</b>	<b>4.226.081.609</b>	<b>-</b>	<b>9.309.063.347</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	1.677.987.440	927.775.600	854.862.027	71.219.600	3.026.038.594	6.557.883.261
Tăng trong năm	-	196.950.000	700.000.000	-	590.300.001	1.487.250.001
Mua sắm mới	-	196.950.000	700.000.000	-	-	896.950.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	590.300.001	590.300.001
Giảm trong năm	-	-	-	-	(258.581.364)	(258.581.364)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(258.581.364)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.677.987.440</b>	<b>1.124.725.600</b>	<b>1.554.862.027</b>	<b>71.219.600</b>	<b>3.357.757.231</b>	<b>7.786.551.898</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		927.775.600	854.862.027	71.219.600	1.006.424.627	2.860.281.854
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	335.597.480	927.775.600	854.862.027	71.219.600	1.812.623.087	4.002.077.794
Tăng trong năm	67.119.498	35.567.218	112.903.224	-	526.540.870	742.130.810
Khấu hao trong năm	67.119.498	35.567.218	112.903.224	-	526.540.870	742.130.810
Giảm trong năm	-	-	-	-	(258.581.364)	(258.581.364)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(258.581.364)	(258.581.364)
<b>Số cuối năm</b>	<b>402.716.978</b>	<b>963.342.818</b>	<b>967.765.251</b>	<b>71.219.600</b>	<b>2.080.582.593</b>	<b>4.485.627.240</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	1.342.389.960	-	-	-	1.213.415.507	2.555.805.467
Số cuối năm	<b>1.275.270.462</b>	<b>161.382.782</b>	<b>587.096.776</b>	<b>-</b>	<b>1.277.174.638</b>	<b>3.300.924.658</b>

(\*) Một số nhà cửa vật kiến trúc được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Kiên Giang, xem tại thuyết minh V.18.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất (*)</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	2.238.348.500	50.000.000	2.288.348.500
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.238.348.500</b>	<b>50.000.000</b>	<b>2.288.348.500</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	50.000.000	50.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	50.000.000	50.000.000
Tăng trong năm	-	-	-
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	-	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.238.348.500	-	2.238.348.500
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.238.348.500</b>	-	<b>2.238.348.500</b>

(\*) Quyền sử dụng đất được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Kiên Giang, xem tại thuyết minh V.18.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Kết chuyển TSCĐ trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Chi phí sửa chữa trụ sở công ty	-	502.351.985	-	502.351.985
Chi phí xây dựng trạm BTS cho thuê	424.711.064	878.012.283	(590.300.001)	712.423.346
<b>Cộng</b>	<b>424.711.064</b>	<b>1.380.364.268</b>	<b>(590.300.001)</b>	<b>1.214.775.331</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**  
 Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	454.993.875	454.993.875	958.386.760	958.386.760
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.251.593	149.251.593	168.851.046	168.851.046
- Thuế thu nhập cá nhân	33.702.459	33.702.459	85.944.792	85.944.792
<b>Cộng</b>	<b>637.947.927</b>	<b>637.947.927</b>	<b>1.213.182.598</b>	<b>1.213.182.598</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang	278.763.617	191.546.114
Công ty TNHH MTV Xây lắp KAS Kiên Giang	26.006.709	18.822.618
<b>Cộng</b>	<b>304.770.326</b>	<b>210.368.732</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhân viên (gián tiếp)	2.189.210.209	2.189.210.209	1.498.547.389	1.498.547.389
Phải trả nhân viên (lao động trực tiếp)	1.058.928.745	1.058.928.745	999.350.465	999.350.465
<b>Cộng</b>	<b>3.248.138.954</b>	<b>3.248.138.954</b>	<b>2.497.897.854</b>	<b>2.497.897.854</b>

**15. Doanh thu chưa thực hiện**

**Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê trạm BTS	334.545.347	444.227.123
<b>Cộng</b>	<b>334.545.347</b>	<b>444.227.123</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**  
Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

**16. Phải trả khác**  
*Phải trả ngắn hạn khác*

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Kinh phí công đoàn	60.567.220	60.567.220	60.740.507	60.740.507

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(\*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số 16859922/2016-HĐTD/NHCT840-CTYCPXDDVBĐKG ngày 04/10/2016, mục đích bổ sung vốn thi công gói thầu: "Xây lắp cột anten dây co" thuộc công trình "Cột anten dây co 130m trạm BTS đảo Thổ Chu", thời hạn vay 05 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất là trụ sở làm việc theo Hợp đồng bảo đảm số 11370016/HĐTC ngày 03/06/2011 và Hợp đồng bảo đảm số 130370018/HĐTC ngày 21/10/2013.

(\*\*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng 16859923/2016-HĐTD/NHCT840-CTYCPXDDVBĐKG ngày 11/10/2016, mục đích bổ sung vốn thi công gói thầu: "Xây lắp cột anten dây co, nhà trạm và thiết bị phụ trợ" thuộc công trình "Cột anten dây co 98m trạm BTS Sơn Hải", thời hạn vay 05 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất là trụ sở làm việc theo Hợp đồng bảo đảm số 11370016/HĐTC ngày 03/06/2011 và Hợp đồng bảo đảm số 130370018/HĐTC ngày 21/10/2013.

(\*\*\*) Khoản vay ngắn hạn ông Đỗ Thái Hòa theo Hợp đồng vay tiền số 06/HĐVT-2016 ngày 22/09/2016 và Phụ lục hợp đồng số 06/PLHĐVT-2016 ngày 22/12/2016, mục đích bổ sung vốn lưu động mua vật tư và thanh toán công nợ, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.

**Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:**

	Số đầu năm	Nhận tiền vay trong năm	Trả tiền vay trong năm	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>642.441.000</b>	<b>5.082.577.048</b>	<b>(4.142.409.110)</b>	<b>1.582.608.938</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	642.441.000	5.082.577.048	(4.142.409.110)	1.582.608.938
<b>Vay cá nhân</b>	-	<b>4.267.951.000</b>	<b>(3.350.000.000)</b>	<b>917.951.000</b>
Ông Đỗ Thái Hòa	-	917.951.000	-	917.951.000
Các cá nhân khác	-	3.350.000.000	(3.350.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>642.441.000</b>	<b>9.350.528.048</b>	<b>(7.492.409.110)</b>	<b>2.500.559.938</b>

**18. Dự phòng phải trả**

Là khoản trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	835.756.626	400.704.000
Trích lập dự phòng	1.451.247.328	435.052.626
Hoàn nhập dự phòng	(770.548.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.516.455.954</b>	<b>835.756.626</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	674.436.582	70.815.874	(71.964.000)	673.288.456
Quỹ phúc lợi	96.651.981	30.349.660	(55.349.992)	71.651.649
<b>Cộng</b>	<b>771.088.563</b>	<b>101.165.534</b>	<b>(127.313.992)</b>	<b>744.940.105</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	5.000.000.000	6.021.209.542	371.542.279	11.392.751.821
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	736.408.514	736.408.514
Chia cổ tức năm 2014	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Thù lao HĐQT, BKS từ năm 2014	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.065.992)	(4.065.992)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2014	-	27.476.287	(27.476.287)	-
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>6.048.685.829</b>	<b>736.408.514</b>	<b>11.785.094.343</b>
Số dư đầu năm nay	5.000.000.000	6.048.685.829	736.408.514	11.785.094.343
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	1.179.048.889	1.179.048.889
Thù lao HĐQT, BKS từ năm 2015	-	-	(135.242.980)	(135.242.980)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCHĐ	-	-	(101.165.534)	(101.165.534)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>6.048.685.829</b>	<b>1.179.048.889</b>	<b>12.227.734.718</b>

**Giao dịch vốn chủ sở hữu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn góp đầu năm	5.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	5.000.000.000	5.000.000.000

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000	50.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50.000	50.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000	50.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000	50.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000	50.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>47.113.533.888</b>	<b>27.761.513.887</b>
Doanh thu bán hàng hóa	59.713.000	74.804.073
Doanh thu xây lắp điện, viễn thông	40.175.519.486	24.985.580.197
Doanh thu dịch vụ cho thuê trạm BTS, tuyến TDQ	2.436.789.407	2.420.720.383
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.441.511.995	280.409.234
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>148.851.241</b>	<b>54.257.978</b>
Hàng bán bị trả lại	148.851.241	54.257.978
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>46.964.682.647</b>	<b>27.707.255.909</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>59.713.000</i>	<i>74.804.073</i>
<i>Doanh thu thuần xây lắp viễn thông</i>	<i>40.026.668.245</i>	<i>24.931.322.219</i>
<i>Doanh thu thuần dịch vụ cho thuê trạm BTS, tuyến TDQ</i>	<i>2.436.789.407</i>	<i>2.420.720.383</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ khác</i>	<i>4.441.511.995</i>	<i>280.409.234</i>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Viễn thông Kiên Giang	11.866.802.289	5.191.551.817
<b>Cộng</b>	<b>11.866.802.289</b>	<b>5.191.551.817</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	47.969.957	86.295.174
Giá vốn xây lắp điện, viễn thông (*)	34.428.392.187	20.806.839.275
Giá vốn dịch vụ cho thuê trạm BTS, tuyến TDQ	1.353.366.474	1.374.242.752
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.164.290.412	111.822.176
<b>Cộng</b>	<b>39.994.019.030</b>	<b>22.379.199.377</b>

**(\*) Giá vốn hợp đồng xây dựng như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	17.928.930.748	9.007.417.053
Chi phí nhân công trực tiếp	9.090.349.691	7.294.932.042
Chi phí sản xuất chung	2.066.356.206	4.686.084.407
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>29.085.636.645</b>	<b>20.988.433.502</b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.342.755.542	(181.594.227)
<b>Giá vốn hoạt động xây lắp điện, viễn thông</b>	<b>34.428.392.187</b>	<b>20.806.839.275</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	73.384.479	13.699.806
<b>Cộng</b>	<b>73.384.479</b>	<b>13.699.806</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	170.786.121	88.637.301
<b>Cộng</b>	<b>170.786.121</b>	<b>88.637.301</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.528.785.009	3.508.062.872
Chi phí đồ dùng văn phòng	202.666.042	99.031.702
Chi phí khấu hao TSCĐ	157.256.607	149.694.438
Chi phí dự phòng	(34.413.725)	114.546.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.025.323	327.521.191
Chi phí bằng tiền khác	800.478.635	524.287.929
<b>Cộng</b>	<b>6.099.797.891</b>	<b>4.723.145.090</b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ hoàn nhập dự phòng bảo hành xây lắp, chi phí phải trả	732.638.000	378.816.273
Thu nhập khác	-	40.909.090
<b>Cộng</b>	<b>732.638.000</b>	<b>419.725.363</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.592.280.845	9.106.448.755
Chi phí nhân công	13.619.134.700	10.802.994.914
Chi phí khấu hao tài sản cố định	742.130.810	719.773.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	536.957.880	5.013.605.598
Chi phí khác	12.637.726.411	1.344.974.368
<b>Cộng</b>	<b>46.128.230.646</b>	<b>26.987.797.509</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.179.048.889	736.408.514
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	(161.974.106)	(101.165.534)
<i>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</i>	(161.974.106)	(101.165.534)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.017.074.783	635.242.980
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.000	50.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>20.341</u></b>	<b><u>12.705</u></b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được trình bày và điều chỉnh lại để so sánh với số liệu của năm nay theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 và tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 theo tỷ lệ trích của năm 2015.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức chưa trả	80.000.000	72.000.000
Chi phí lãi vay nhập gốc vay chưa trả	17.951.000	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu đầu năm trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất đã được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2015		01/01/2016 trình bày lại		Chênh lệch
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền	
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	65.208.626	315	-	65.208.626
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	770.548.000	321	835.756.626	(65.208.626)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan trong năm như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Giám đốc	340.568.890	340.568.890
Thù lao HĐQT, BKS	135.242.980	40.000.000
<b>Cộng</b>	<b>475.811.870</b>	<b>380.568.890</b>

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vay trong năm	2.800.000.000	-
Trả tiền vay trong năm	2.800.000.000	650.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	Cổ đông
Viễn thông Kiên Giang	Cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Đồng Tháp	Cổ đông
Công ty Cổ phần Xây lắp Cần Thơ	Cổ đông
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện	Cổ đông

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Chia cổ tức</b>		
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	200.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện	50.000.000	30.000.000
Viễn thông Kiên Giang	70.000.000	42.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Cần Thơ	50.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp	30.000.000	18.000.000
Các cổ đông khác	100.000.000	60.000.000
<b>Cung cấp dịch vụ xây lắp</b>		
Viễn thông Kiên Giang	11.866.802.289	5.191.551.817

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đơn vị tính: VND		
<b>Viễn thông Kiên Giang</b>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ xây lắp	6.194.760.047	1.756.511.599
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>6.194.760.047</b>	<b>1.756.511.599</b>
<b>Phải trả tiền cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp	30.000.000	-
<b>Nhận ứng trước tiền hàng</b>		
Viễn Thông Kiên Giang	750.016.000	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>830.016.000</b>	<b>-</b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**4. Thông tin hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**5. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác được trình bày ở các thuyết minh V.8, V.9.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	977.700.386	6.417.849.497	977.700.386	6.417.849.497
Phải thu khách hàng	14.294.577.674	10.009.989.033	14.294.577.674	10.009.989.033
Các khoản phải thu khác	334.108.864	133.900.265	334.108.864	133.900.265
<b>Cộng</b>	<b>15.606.386.924</b>	<b>16.561.738.795</b>	<b>15.606.386.924</b>	<b>16.561.738.795</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	3.812.638.735	1.319.584.651	3.812.638.735	1.319.584.651
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	637.947.927	1.213.182.598	637.947.927	1.213.182.598
Phải trả người lao động	3.248.138.954	2.497.897.854	3.248.138.954	2.497.897.854
Phải trả khác	150.326.385	104.810.078	150.326.385	104.810.078
Vay và nợ thuê tài chính	2.500.559.938	642.441.000	2.500.559.938	642.441.000
<b>Cộng</b>	<b>10.349.611.939</b>	<b>5.777.916.181</b>	<b>10.349.611.939</b>	<b>5.777.916.181</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

**7. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	977.700.386	-	977.700.386
Phải thu khách hàng	14.144.134.441	150.443.233	14.294.577.674
Các khoản phải thu khác	334.108.864	-	334.108.864
<b>Cộng</b>	<b>15.455.943.691</b>	<b>150.443.233</b>	<b>15.606.386.924</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.417.849.497	-	6.417.849.497
Phải thu khách hàng	9.764.289.932	245.699.101	10.009.989.033
Các khoản phải thu khác	133.900.265	-	133.900.265
<b>Cộng</b>	<b>16.316.039.694</b>	<b>245.699.101</b>	<b>16.561.738.795</b>

**8. Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả cho người bán	3.812.638.735	-	3.812.638.735
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	637.947.927	-	637.947.927
Phải trả người lao động	3.248.138.954	-	3.248.138.954
Phải trả khác	150.326.385	-	150.326.385
Vay và nợ thuê tài chính	2.500.559.938	-	2.500.559.938
<b>Cộng</b>	<b><u>10.349.611.939</u></b>	<b>-</b>	<b><u>10.349.611.939</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả cho người bán	1.319.584.651	-	1.319.584.651
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.213.182.598	-	1.213.182.598
Phải trả người lao động	2.497.897.854	-	2.497.897.854
Phải trả ngắn hạn khác	104.810.078	-	104.810.078
Vay và nợ thuê tài chính	642.441.000	-	642.441.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.777.916.181</u></b>	<b>-</b>	<b><u>5.777.916.181</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**9. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 50-52 Lô F13, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

	Bán hàng hóa	Dịch vụ xây lắp điện, viễn thông	Dịch vụ cho thuê trạm BTS, tuyến TDQ	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	59.713.000	40.026.668.245	2.436.789.407	4.441.511.995	46.964.682.647
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(47.969.957)	(34.428.392.187)	(1.353.366.474)	(4.164.290.412)	(39.994.019.030)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận</b>	<b>11.743.043</b>	<b>5.598.276.058</b>	<b>1.083.422.933</b>	<b>277.221.583</b>	<b>6.970.663.617</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(6.099.797.891)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>73.384.479</b>
Doanh thu tài chính					(170.786.121)
Chi phí tài chính					<b>773.464.084</b>
Thu nhập khác					732.638.000
Chi phí khác					(22.282.869)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(304.770.326)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>1.179.048.889</b>

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**Số chứng thực: **7925** - QS: **04**VĨNH THANH ..... **27-10-2017** .....**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH**

Kiên Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2017

*Tô Thành Đức*

*[Signature]*  
**Đỗ Thị Thanh Bình**  
 Người lập biểu

*[Signature]*  
**Bùi Thị Ân**  
 Kế toán trưởng

*[Signature]*  
**Nguyễn Văn Đăng**  
 Giám đốc